

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/DS-ST

Ngày: 18-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đức và bà Đoàn Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thư- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-DS ngày 28/3/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Anh M, chị B có mặt.*

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Bé D, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Chị D có mặt, anh C vắng mặt lần 02 không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:* Chị D là em ruột của anh M, còn anh C là chồng chị D, em rể của anh M. Thấy hoàn cảnh anh C, chị D khó khăn nên anh M có giúp đỡ làm ăn. Ngày 28/9/2022 anh C hỏi mượn 70 chỉ vàng 24 kara, số vàng này anh C hỏi mượn 03 tháng nên không tính lãi. Khoảng 01 tháng sau

(tháng 10/2022) anh C hỏi mượn thêm 20 chỉ vàng 24 kara để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 21/02/2024 anh C hỏi vay thêm 30.000.000 đồng để xoay sở chuyện gia đình, thỏa thuận lãi 1.800.000 đồng/tháng; anh C có đóng lãi được 1.000.000 đồng. Số vàng vay 70 chỉ đến hạn anh C không trả nên thương lượng trả lãi mỗi năm 40.000.000 đồng. Anh C có trả lãi được 01 năm thì ngưng. Yêu cầu anh Nguyễn Thành C trả 90 chỉ vàng 24 kara và 30.000.000 đồng.

Ngày 10/01/2025 nguyên đơn yêu cầu bổ sung: Yêu cầu anh Nguyễn Thành C và chị Nguyễn Bé D trả 90 chỉ vàng 24 kara và 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định: Số vàng 70 chỉ do anh C và chị D vay khi còn sống chung, mục đích vay để cất nhà, mua sắm trong gia đình nên yêu cầu anh C và chị D trả số vàng này. Còn số vàng 20 chỉ và 30.000.000 đồng là do anh C vay mượn một mình, khi vay chị D đã đi Bình Dương làm thuê, không hay biết nên phần này chỉ yêu cầu anh Côn T, không yêu cầu chị D.

[2] Bị đơn là anh C vắng mặt phiên tòa nên không có lời trình bày tại phiên tòa. Nhưng tại biên bản lấy lời khai anh C ngày 06/01/2025 anh C có trình bày: Khi còn sống chung vợ chồng anh có vay của anh M 30.000.000 đồng và 90 chỉ vàng, trong đó 20 chỉ anh C vay, 70 chỉ chị D vay. Còn 30.000.000 đồng anh C vay nên chịu trách nhiệm. Mục đích vay là trả nợ cho chị D. Anh C thống nhất trả 20 chỉ vàng và 30.000.000 đồng; phần còn lại chị D trả.

[3] Bị đơn là chị D trình bày: Chị và anh Côn ly H tháng 10/2023. Khi còn sống chung với anh C, vợ chồng có vay của anh chị Mười 70 chỉ vàng 9999 để cất nhà, chị ở chung với ba mẹ chồng, lúc đó Quân khu 9 cho nhà đồng đội ba chồng nên vợ chồng vay thêm vàng bù vào xây nhà. Sau khi sống ly thân thì nghe nói anh C vay thêm của anh M 20 chỉ vàng và 30.000.000 đồng, lúc này chị D không có nhà, anh C vay làm gì không biết. Chị về sống làm dâu bên chồng, vay vàng để cất nhà, mua sắm trong gia đình, khi ly hôn chị đi ra không lấy theo thứ gì, giờ làm thuê làm mướn mỗi tháng mấy triệu, không có khả năng trả, yêu cầu anh Côn trả toàn bộ số nợ cho anh M, chị B.

[4]- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và chị D đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn là anh C vắng mặt phiên tòa lần 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn tại phiên tòa, buộc bị đơn là anh C và chị D cùng liên đới trả cho anh M, chị B 70 chỉ vàng 24 kara; buộc anh C trả cho anh M, chị B 20 chỉ vàng và 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng vay vàng và tiền, nay có tranh chấp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết, do đó xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Bị đơn là anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa, nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ và được bị đơn thừa nhận có vay 90 chỉ vàng và 30.000.000 đồng nên xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật, các đương sự không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh C và chị D đã ly hôn vào ngày 05/10/2023, chị D yêu cầu anh C phải trả toàn bộ số nợ; anh C yêu cầu chị D trả 70 chỉ vàng, anh C sẽ trả 20 chỉ vàng và 30.000.000 đồng.

Xét nghĩa vụ trả nợ:

- *Đối với số nợ 70 chỉ vàng 24 kara vay ngày 28/9/2022:* Nguyên đơn cho rằng vợ chồng anh C, chị D gặp trực tiếp hỏi vay. Anh C cho rằng số vàng này chị D vay nên chị D có trách nhiệm trả. Chị D trình bày số vàng này do anh chị cùng đứng ra vay về cất nhà, xoay sở, mua sắm trong gia đình, khi ly hôn chị không lấy thứ gì nên anh C phải trả toàn bộ số nợ.

Thấy rằng, giấy cam kết mượn nợ ngày 28/9/2022 do anh C ký nhận mượn 70 chỉ vàng 24 kara, mục đích trả nợ, thời hạn mượn 03 tháng. Như vậy, biên nhận nợ là do anh C ký nhận, anh C cho rằng chị D vay là chưa có căn cứ.

Chị D cho rằng vợ chồng vay vàng là để cất nhà bên chồng, mua sắm trong gia đình, khi ly hôn chị không lấy thứ gì nên chị không thống nhất trả, yêu cầu anh Côn tự trả. Số vàng 70 chỉ là do anh C, chị D cùng đứng ra vay khi còn là vợ chồng. Khi anh chị ly hôn không tranh chấp tài sản, chị D không yêu cầu phân chia tài sản

là quyền của chị D, không thể lấy lý do chị không yêu cầu phân chia tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ do mình cùng đứng ra vay. Theo Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ chung từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập. Khi sống chung với anh C, chị D cùng anh C thỏa thuận vay vàng của anh M, chị B nên chị D và anh C phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

- *Đối với số nợ 20 chỉ vàng 24 kara và 30.000.000 đồng:* Trong thời gian anh C và chị D ly thân, chị D đi làm tại Bình Dương; ở nhà anh C tự ý vay vàng để sử dụng cá nhân, chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh C. Sau khi ly hôn, anh C tiếp tục mượn tiền, có làm giấy mượn tiền 30.000.000 đồng vào ngày 21/02/2024. Trong quá trình làm việc, anh C thừa nhận số vàng 20 chỉ và 30.000.000 đồng là do anh Côn T1 mượn và chịu trách nhiệm trả. Tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu một mình anh C trả số vàng 20 chỉ và 30.000.000 đồng. Tại Điều 45 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ riêng về tài sản của vợ chồng: Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số vàng 20 chỉ và 30.000.000 đồng do anh C vay chi xài cá nhân, chị D không biết và không có sử dụng chung nên anh Côn T1 có trách nhiệm trả.

[3] Từ những phân tích trên, thấy rằng: Số vàng 70 chỉ anh C và chị D cùng vay, anh C có làm biên nhận, mục đích sử dụng chung trong gia đình nên cần buộc anh C và chị D cùng liên đới trả cho nguyên đơn (phần của anh C 35 chỉ, phần của chị D 35 chỉ). Số vàng 20 chỉ và số tiền 30.000.000 đồng anh Côn tự vay trong thời gian anh chị ly thân, không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng, chị D cũng không biết khoản vay này nên anh C phải tự chịu trách nhiệm trả.

[4] *Án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 13, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán nợ.

- Anh C và chị D phải liên đới chịu án phí đối với nghĩa vụ trả 70 chỉ vàng. Giá trị 70 chỉ vàng 24 kara tại thời điểm xét xử là: $70 \text{ chỉ} \times 10.100.000 \text{ đồng/chỉ} = 707.000.000 \text{ đồng}$. Án phí là: $20.000.000 \text{ đồng} + (307.000.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 32.280.000 \text{ đồng}$ (trong đó phần của anh C là 16.140.000 đồng; phần của chị D là

16.140.000 đồng). Chị D và anh C đã ly hôn năm 2023, hiện nay chị D có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có đủ tài sản để nộp án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã và có đơn xin giảm án phí nên chị D được giảm 50% án phí theo quy định, phần án phí của chị D còn phải chịu là 8.070.000 đồng. Như vậy nghĩa vụ liên đới chịu án phí trả 70 chỉ vàng là 24.210.000 đồng.

- Anh C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thi hành 20 chỉ vàng và 30.000.000 đồng. Giá trị 20 chỉ vàng tại thời điểm xét xử là: $20 \text{ chỉ} \times 10.100.000 \text{ đồng/chỉ} = 202.000.000 \text{ đồng}$. Án phí 20 chỉ và 30.000.000 đồng là: $232.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.600.000 \text{ đồng}$.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Trường hợp phải thi hành án đối với nghĩa vụ liên đới, nếu một trong hai bên phải thi hành cả phần của người còn lại thì có quyền yêu cầu người còn lại trả lại phần đã thi hành thay.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 279, 280, 287, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37, 45 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, 13, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị B.

- Buộc anh Nguyễn Thành C và chị Nguyễn Bé D cùng liên đới trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị B 70 (Bảy mươi) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 98% hoặc tương đương .

- Buộc anh Nguyễn Thành C trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị B 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 98% hoặc tương đương và 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Thành C và chị Nguyễn Bé D liên đới chịu án phí là 24.210.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Thành C chịu án phí là 11.600.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.800.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005216 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Anh M, chị B, chị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận